TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ VANG
TP. ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/DS-ST
Ngày 31-7-2023
"*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị
Bà Lê Hng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Lê Mai Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 109/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty tài chính TNHH Một thành viên B. Địa chỉ trụ sở: NTP, phường S, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông N – Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn H - Chức vụ: Trưởng bộ phận cấp cao Bộ phận Quản lý Công nợ. Bà Hồ ủy quyền lại cho ông Trần Võ Quang T và bà Nguyễn Thị Phương T1; cùng địa chỉ: P, phường Hòa B, quận Hải C, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số 59/2022/UQ- F ngày 06/12/2022 và Giấy ủy quyền số 90/2023/UQ-LM- F ngày 10/4/2023). Bà T1 có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc C, sinh năm 2000. Địa chỉ: T 1, xã Hòa S, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay người đại diện của Công ty tài chính TNHH Một thành viên B (Sau đây gọi là: F), *bà Nguyễn Thị Phương T1 trình bày:*

Vào ngày 22/12/2020, ông Trần Ngọc C có ký Hợp đồng cho vay tiêu dùng với Công ty tài chính TNHH Một thành viên B để vay số tiền 70.460.000 đồng, mục đích vay: mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng, với lãi suất 21,78%/năm (tương đương 1.8148%/tháng), lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn

vay 24 tháng (kỳ đến hạn trả cuối cùng là ngày 22/12/2022), kỳ hạn trả nợ theo tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 3.647.625 đồng vào ngày 22 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 22/01/2021 cho đến khi kết thúc hợp đồng. F có giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô – xe máy số 039554 do Công an huyện Hòa Vang cấp ngày 23/12/2020 của ông Trần Ngọc C. Tuy nhiên, sau khi F giải ngân số tiền 70.460.000 đồng cho ông C, từ ngày 22/01/2021 đến ngày 18/6/2022 ông C mới thanh toán cho JIFV số tiền 47.424.540 đồng, từ ngày 19/6/2022 đến nay ông C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho JIFV và cố tình lẫn tránh. Do ông C không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán, nên F khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Ngọc C thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/4/2023 là 47.689.351đ (bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám chín ngàn, ba trăm năm mốt đồng).

Ông C tiếp tục thanh toán cho F số tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí từ ngày 01/8/2023 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 261060001184934000 ký ngày 22/12/2020.

Quá trình giải quyết vụ án, giữa ông Trần Ngọc C với F có đưa ra thỏa T với điều kiện thời gian trả nợ, cụ thể: F đồng ý với lộ trình thanh toán của ông C đưa ra là thanh toán toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/4/2023 là 47.689.351 đồng cho F vào ngày 25/7/2023.

Tuy nhiên, F không đồng ý lập biên bản hòa giải thành mà đợi đến ngày 20/7/2023 bị đơn thanh toán đủ số tiền nợ thì F sẽ rút đơn khởi kiện.

Đến hạn ông C vẫn không thanh toán tiền cho F nên F yêu cầu ông C trả số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2023 là 47.689.351đ (bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám chín ngàn, ba trăm năm mốt đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 261060001184934000 ký ngày 22/12/2020. Sau khi ông C thanh toán hết tiền thì F trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 039554 do Công an huyện Hòa Vang cấp ngày 23/12/2020 cho ông Trần Ngọc C.

Về án phí, buộc ông C phải chịu theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trần Ngọc C vắng mặt, nhưng đã có ý kiến trình bày:

Ông C xác nhận và thống nhất với phần trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc ông có vay của Công ty tài chính TNHH Một thành viên B số tiền 70.460.000 đồng để mua xe máy theo Hợp đồng cho vay tiêu dùng số 61060001184934000 ngày 22/12/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông C đã thanh toán được số tiền 47.424.540 đồng; trong đó nợ gốc là 33.873.615 đồng, nợ lãi là 13.111.290 đồng, nợ lãi quá hạn là 439.635 đồng. Từ ngày 19/6/2022 đến nay ông không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho F do không có việc làm không có thu nhập ổn định.

Nay, Công ty tài chính TNHH Một thành viên B khởi kiện yêu cầu ông thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 12/4/2023 là 47.689.351 đồng, thì ông C đồng ý thanh toán nhưng xin thời hạn thanh toán là vào ngày 20/7/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty tài chính TNHH Một thành viên B khởi kiện ông Trần Ngọc C; địa chỉ: T 1, xã Hòa S, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng. Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của Công ty tài chính TNHH Một thành viên B là đúng thẩm quyền.

[1.2] Toà án đã tiến hành thông báo, tống đạt và triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật cho bị đơn ông Trần Ngọc C đến tham gia phiên tòa, nhưng ông C vẫn vắng mặt. Đây là phiên tòa mở lại lần thứ hai, quyền và lợi ích hợp pháp của ông C đã được bảo đảm nên việc ông C vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung:

Công ty tài chính TNHH Một thành viên B khởi kiện ông Trần Ngọc C yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Ngọc C trả số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2023 là 47.689.351đ (bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám chín ngàn, ba trăm năm mốt đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 cho đến khi hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 261060001184934000 ký ngày 22/12/2020 và phụ lục hợp đồng ngày 22/12/2020.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH Một thành viên B thì thấy:

Ông Trần Ngọc C và Công ty tài chính TNHH Một thành viên B xác định vào ngày 22/12/2020,ông C với F ký Hợp đồng cho vay tiêu dùng số 261060001184934000 ký ngày 22/12/2020. Theo nội dung hợp đồng, ông C vay số tiền 70.460.000 đồng, mục đích vay: mua xe máy theo hình thức trả góp hàng tháng, với lãi suất 21,78%/năm (tương đương 1.8148%/tháng), lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 24 tháng (kỳ đến hạn trả cuối cùng là ngày 2212/2022), kỳ hạn trả nợ theo tháng, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 3.647.625 đồng vào ngày 22 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 22/01/2021 cho đến khi kết thúc hợp đồng. F đã giải ngân số tiền 70.460.000 đồng cho ông C, nhưng từ ngày 22/01/2021 đến ngày 18/6/2022 ông C mới thanh toán cho JIFV số tiền 47.424.540 đồng; trong đó, nợ gốc: 33.873.615 đồng, nợ lãi: 13.111.290 đồng, nợ lãi quá hạn: 439.635 đồng. Từ ngày 19/6/2022 đến nay ông C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho JIFV và cố tình lẫn tránh, tính đến ngày 31/7/2023 ông C còn nợ số tiền là 47.689.351đ (bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám chín ngàn, ba trăm năm mốt đồng); trong đó, nợ gốc: 36.586.385, lãi trong hạn: 9.111.093 đồng, lãi quá hạn: 1.991.873 đồng. Ông C xác nhận từ ngày 19/6/2022 đến nay ông không trả tiền cho JIFV và số tiền ông còn

nợ JIFV là 47.689.351đ (bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám chín ngàn, ba trăm năm mốt đồng); trong đó, nợ gốc: 36.586.385, lãi trong hạn: 9.111.093 đồng, lãi quá hạn: 1.991.873 đồng. JIFV khởi kiện ông đòi số tiền 47.689.351đ (bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám chín ngàn, ba trăm năm mốt đồng), ông đồng ý trả.

Hơn nữa, quá trình hòa giải ông C xin đến ngày 20/7/2023 sẽ trả dứt điểm số tiền 47.689.351đ (bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám chín ngàn, ba trăm năm mốt đồng), Công ty tài chính TNHH Một thành viên B cũng chấp nhận đề nghị của ông C, nhưng đến nay đã quá thời hạn thỏa T nhưng ông C vẫn không trả tiền. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH Một thành viên B là có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc F có giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 039554 do Công an huyện Hòa Vang cấp ngày 23/12/2020 của ông Trần Ngọc C để bảo đảm khoản vay. Sau khi ông C tất toán khoản vay thì F có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô – xe máy số 039554 do Công an huyện Hòa Vang cấp ngày 23/12/2020 cho ông Trần Ngọc C.

[2.2] Ông C tiếp tục thanh toán cho F số tiền lãi phát sinh, các loại phí từ ngày 01/8/2023 cho đến khi tất toán hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 261060001184934000 ký ngày 22/12/2020 và phụ lục hợp đồng ngày 22/12/2020.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho F.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 357, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH Một thành viên B về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng thẻ" với bị đơn ông Trần Ngọc C.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Trần Ngọc C phải thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên B số tiền 47.689.351đ (bốn mươi bảy triệu, sáu trăm tám chín ngàn, ba trăm năm mốt đồng) tạm tính đến ngày 31/7/2023; trong đó, nợ gốc: 36.586.385, lãi trong hạn: 9.111.093 đồng, lãi quá hạn: 1.991.873 đồng.

2. Ông C tiếp tục thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên B số tiền lãi phát sinh từ ngày 01/8/2023 cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số 261060001184934000 ký ngày 22/12/2020 và phụ lục hợp đồng ngày 22/12/2023.

3. Sau khi ông C tất toán khoản vay thì F có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 039554 do Công an huyện Hòa Vang cấp ngày 23/12/2020 cho ông Trần Ngọc C.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Ngọc C phải chịu 2.384.467đ (hai triệu, ba trăm tám tư ngàn, bốn trăm sáu bảy đồng).

Hoàn trả lại số tiền 1.193.000 đồng tạm ứng án phí cho Công ty tài chính TNHH Một thành viên B đã nộp tại biên lai thu số 0009971 ngày 23/5/2023 tai Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang.

5. Về kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 31/7/2023. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh